

Số: 46/TB-OLYMPIA

Đà Nẵng, ngày 04...tháng 6....năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2023 – 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

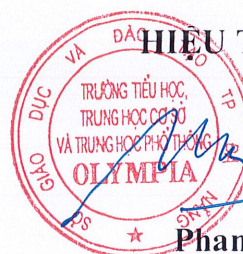
STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm						34	12	0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		16 100%	12 100%	0 0%	0 0%	27 79,41%	10 83,33%	0 0,00%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	5 14,71%	2 16,67%	0 0,00%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	2 5,88%	0 0,00%	0 0,00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
II	Số học sinh chia theo học lực						34	12	0
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		12 75%	11 91,67%	0 0%	0 0%	14 41,18%	8 66,67%	0 0,00%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		4 25%	1 8,33%	0 0%	0 0%	9 26,47%	4 33,33%	0 0,00%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	11 32,35%	0 0,00%	0 0,00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%

III	Tổng hợp kết quả cuối năm						34	12	0
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		16 100%	12 100%	0 0%	0 0%	34 100%	12 100%	0 0,00%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		1275%	11 91,67%	0 0%	0 0%	14 41,18%	8 66,67%	0 0,00%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)		4 25%	1 8,33%	0 0%	0 0%	9 26,47%	4 33,33%	0 0,00%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		0 0%	5/4	0 0%	0 0%	2/0 2,94%	0 0,00%	0 0,00%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	1 5,88%	0 0,00%	0 0,00%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0					0	0	0
1	Cấp tỉnh/thành phố	0					0	0	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0					0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0					0	0	0
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0					0	0	0
1	Giỏi	Không xếp loại					0	0	Không xếp loại

	(tỷ lệ so với tổng số)								
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp loại					0	0	Không xếp loại
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp loại					0	0	Không xếp loại
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0					0	0	0
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0					0	0	0
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	0					0	0	0
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0					0	0	0

Nơi nhận:

- Đưa trang web trường (để công khai);
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phan Khôi